

Số: 87/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 08 dự án trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1684/NQ-BTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Xét Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 08 dự án trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 191/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng 104,6917 ha rừng (rừng tự nhiên 5,83 ha; rừng trồng 98,8617 ha) sang thực hiện 08 dự án trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:

1. Dự án Ổn định dân cư khẩn cấp xã Nàn Ma, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang (nay là xã Pà Vây Sủ, tỉnh Tuyên Quang)

Tổng diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 8,72 ha (Rừng tự nhiên: 2,72 ha; rừng trồng : 6,0 ha).

- Loại rừng: Rừng phòng hộ: 7,39 ha, rừng sản xuất: 1,33 ha.
- Địa điểm, phạm vi thực hiện dự án đầu tư: Xã Pà Vây Sủ, tỉnh Tuyên Quang.
- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

2. Dự án khai thác mỏ đá phiến và đá granit làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Trung Thành 4, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 1)

Tổng diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 14,707 ha rừng trồng.

- Loại rừng: Rừng sản xuất.
- Địa điểm thực hiện: Thôn Trung Thành 4, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Hưng Long, xã Thái Sơn, tỉnh Tuyên Quang).
- Chủ dự án: Công ty cổ phần phát triển tài nguyên Tây Bắc.

3. Dự án Trung tâm nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe quốc tế AD

Tổng diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 34,1542 ha rừng trồng.

- Loại rừng: Rừng sản xuất.
- Địa điểm thực hiện: Phường Mỹ Lâm và xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (nay là phường Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang).
- Chủ dự án: Công ty cổ phần Thương mại và Thẩm mỹ công nghệ cao ADC.

4. Dự án đầu tư công khẩn cấp Xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp TH&THCS Pà Vây Sủ

Tổng diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 0,71 ha (Rừng tự nhiên: 0,15 ha, rừng trồng: 0,56 ha)

- Loại rừng: Rừng phòng hộ.
- Địa điểm thực hiện: Xã Pà Vây Sủ, tỉnh Tuyên Quang.
- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

5. Dự án đầu tư công khẩn cấp Xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp TH&THCS Xín Mần

Tổng diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 1,0 ha rừng trồng.

- Loại rừng: Rừng phòng hộ: 0,32 ha; rừng sản xuất: 0,68 ha.
- Địa điểm thực hiện: Xã Xín Mần, tỉnh Tuyên Quang.
- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

6. Dự án đầu tư công khẩn cấp Xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp TH&THCS Thanh Thủy

Tổng diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 3,07 ha (Rừng tự nhiên: 2,96 ha, rừng trồng: 0,11 ha)

- Loại rừng: Rừng sản xuất.
- Địa điểm thực hiện: Xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang.
- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

7. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Phúc Ứng 2

Tổng diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 25,3453 ha rừng trồng.

- Loại rừng: Rừng sản xuất.
- Địa điểm thực hiện: Xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
- Chủ đầu tư: Liên danh Công ty cổ phần đầu tư xây dựng công trình và thương mại Phúc Hưng - Công ty TNHH đầu tư và thương mại Nhật Tân.

8. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Phúc Ứng 3

Tổng diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 16,9852 ha rừng trồng.

- Loại rừng: Rừng sản xuất.
- Địa điểm thực hiện: xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH đầu tư công nghiệp Phúc Ứng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh (đăng tải);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

Phụ lục 1**Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Ổn định dân cư khẩn cấp xã Nàn Ma, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang (nay là xã Pà Vầy Sủ, tỉnh Tuyên Quang)***(Kèm theo Nghị quyết số 87 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Vị trí theo bản đồ ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 18/12/2024; đơn vị hành chính	Trong đó					
		Tổng diện tích có rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)	Phân theo 3 loại rừng, loại rừng, nguồn gốc và loài cây				Ghi chú
			Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Nguồn gốc và loài cây	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thuộc các lô 10384, 10, 20, khoảnh 10a, tiểu khu 182, xã Nàn Ma, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang (nay là xã Pà Vầy Sủ, tỉnh Tuyên Quang).	2,72		2,72		- Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo (TXN) 0,68 ha có trữ lượng 43,14 m³ thuộc quản lý của UBND xã, loài cây Kháo, Thầu tầu, Trầu, Thành ngạnh... - Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo kiệt (TXK) 1,45 ha có trữ lượng 40,83 m³, thuộc quản lý của UBND xã, loài cây Kháo, Thầu tầu, Trầu, Thành ngạnh... - Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa tự nhiên núi đất (HG) 0,59 ha có trữ lượng 30,05 m³, thuộc quản lý của UBND xã, loài cây Vầu, Thầu tầu, Thành ngạnh....	
2	Thuộc các lô 18, 30, 10400, khoảnh 10a, tiểu khu 182; các lô 17a, 37a, 39a, 40a, khoảnh 18, tiểu khu 182; các lô 23a , 30a, 34a, khoảnh 16, lô 35a, khoảnh 14, tiểu khu 182; lô 11a khoảnh 19, tiểu khu 182; lô 28a, khoảnh 17, tiểu khu 182 xã Nàn Ma, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang (nay là xã Pà Vầy Sủ, tỉnh Tuyên Quang)	6,0		4,67	1,33	Rừng gỗ trồng núi đất (TG) có trữ lượng 539,37, Loài cây trồng Thông trồng năm 1996, Sa Mộc, Lát, Xoan, Mỡ trồng năm 2007 xen lẫn cây tự nhiên như Kháo, Xoan nhừ, Vải rừng ...	
Tổng cộng		8,72		7,39	1,33		

Phụ lục 2

Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khai thác mỏ đá phiến và đá granit làm vật liệu xây dựng thông thường mở Trung Thành 4, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 1)
(Kèm theo Nghị quyết số 87 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Vị trí theo bản đồ ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 17/7/2024; đơn vị hành chính	Trong đó					
		Tổng diện tích có rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)	Phân theo 3 loại rừng, loại rừng, nguồn gốc và loài cây				Ghi chú
			Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Nguồn gốc và loài cây	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thuộc lô 2, khoảnh 376A và các lô 125, 131, 135, 136, 137, 138, 144, 147, 148, 158, 159, khoảnh 371, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Thái Sơn, tỉnh Tuyên Quang).	7,831			7,831	Rừng gỗ trồng núi đất (TG) có trữ lượng 248,251 m ³ thuộc quản lý của các hộ gia đình; Loài cây Keo; Bò đề + Bạch đàn; Keo + Bạch đàn; năm trồng: 2020, 2021.	
2	Thuộc các lô 124, 136, 137, 138, 139, 140, 142, 144, 147, 148, 158, khoảnh 371, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Thái Sơn, tỉnh Tuyên Quang).	4,574			4,574	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng (DTR); Hộ gia đình quản lý 4,574 ha; Loài Keo; năm trồng 2024, 2025.	
3	Thuộc các lô 127, 138, 147, 148, 158, 159, khoảnh 371, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Thái Sơn, tỉnh Tuyên Quang).	2,302			2,302	Diện tích sau khai thác rừng trồng (DTK) thuộc quản lý của các hộ gia đình.	
Tổng cộng		14,707			14,707		

Phụ lục 3

Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Trung tâm nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe quốc tế AD
(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Vị trí theo bản đồ ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 17/7/2024; đơn vị hành chính	Trong đó					
		Tổng diện tích có rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)	Phân theo 3 loại rừng, loại rừng, nguồn gốc và loài cây				Ghi chú
			Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Nguồn gốc và loài cây	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thuộc các lô 39, 43, 45, 48, 49, 52, 54, 60, 61, 66, 68, 69, 70, 71, 72, khoảnh 532; các lô 6, 8, 11, 12, 13, 17, 18, 19, 23, 26, khoảnh 534 (xã Kim Phú cũ); các lô 13, 15, 17, 27, khoảnh 532A và lô 4, khoảnh 534A (phường Mỹ Lâm cũ), nay là phường Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang.	16,8869			16,8869	Rừng gỗ trồng núi đất (TG) có trữ lượng 21.238,8 m ³ thuộc quản lý của các hộ gia đình; Loài cây Keo, Bạch đàn, Xoan + Bạch đàn; năm trồng 2018, 2019, 2020, 2021, 2022.	
2	Thuộc các lô 44, 49, 52, 58, 62, 67, 69, 73, 74, khoảnh 532; các lô 8, 12, 15, 16, 17, 18, 23, 25, khoảnh 534 (xã Kim Phú cũ); các lô 19, 22, 30, 40, khoảnh 532A; các lô 1, 2, 3, 10, khoảnh 534A (phường Mỹ Lâm cũ), nay là phường Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang.	15,4104			15,4104	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng (DTR); Hộ gia đình quản lý 14,8416 ha, Công ty cổ phần lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi quản lý 0,5688 ha; Loài cây Keo, Bạch đàn; năm trồng 2023, 2024, 2025.	
3	Thuộc các lô 46, 53, 55, 56, 57, 58, 59, 71, khoảnh 532 (xã Kim Phú cũ) nay là phường Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang.	1,8569			1,8569	Diện tích sau khai thác rừng trồng (DTK) thuộc quản lý của các hộ gia đình.	
Tổng cộng		34,1542			34,1542		

Phụ lục 4

Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư công khẩn cấp
Xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp TH&THCS Pà Vây Sủ
(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Vị trí theo bản đồ ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 18/12/2024; đơn vị hành chính	Trong đó					
		Tổng diện tích có rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)	Phân theo 3 loại rừng, loại rừng, nguồn gốc và loài cây				Ghi chú
			Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Nguồn gốc và loài cây	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thuộc các lô 10, 10a, khoảnh 10a, tiểu khu 182, xã Nàn Ma, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang (nay là xã Pà Vây Sủ, tỉnh Tuyên Quang)	0,15		0,15		- Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo kiệt (TXK) 0,15 ha có trữ lượng 7,37 m ³ , thuộc quản lý của UBND xã, loài cây Trầu, Thành ngạnh, Kháo...	
2	Thuộc lô 10400, khoảnh 10a, tiểu khu 182 xã Nàn Ma, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang (nay là xã Pà Vây Sủ, tỉnh Tuyên Quang)	0,56		0,56		Rừng gỗ trồng núi đất (TG) có trữ lượng 71,84 m ³ , Loài cây Sa Mộc trồng năm 2007.	
Tổng cộng		0,71		0,71			

Phụ lục 5

**Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư công khẩn cấp
Xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp TH&THCS Xín Mần**
(Kèm theo Nghị quyết số 87 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Vị trí theo bản đồ ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2024; đơn vị hành chính	Trong đó					
		Tổng diện tích có rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)	Phân theo 3 loại rừng, loại rừng, nguồn gốc và loài cây				Ghi chú
			Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Nguồn gốc và loài cây	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thuộc các lô 16, 20, 24, khoảnh 4, tiểu khu 177 và lô 6276 khoảnh 5, tiểu khu 177 xã Chí Cà, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang (nay là xã Xín Mần, tỉnh Tuyên Quang)	1,0		0,32	0,68	Rừng gỗ trồng núi đất (TG) có trữ lượng 19,87 m ³ , Loài cây Tổng Quá Sủ, Sa mộc trồng năm 2020.	
Tổng cộng		1,0		0,32	0,68		

Phụ lục 6

Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư công khẩn cấp
Xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp TH&THCS Thanh Thủy
(Kèm theo Nghị quyết số 87 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Vị trí theo bản đồ ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 18/12/2024; đơn vị hành chính	Trong đó					
		Tổng diện tích có rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)	Phân theo 3 loại rừng, loại rừng, nguồn gốc và loài cây				Ghi chú
			Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Nguồn gốc và loài cây	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thuộc các lô 44, 45, 46, 48, 50, 56, 57, 63, 64, 68 khoảnh 2 tiểu khu 120 xã Phương Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (nay là xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang).	2,96			2,96	Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo (TXN): 2,24 ha; Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo kiệt (TXK): 0,12 ha); Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa tự nhiên núi đất (HG): 0,60 ha; Trữ lượng 177,30 m ³ gỗ và 1.940 cây Vầu thuộc quản lý của UBND xã, Loài cây ưu thế rừng tự nhiên: Thành ngạnh, Chẹo tía, Sau sau, Trầu, Thầu tẩu..., loài tre nứa: Vầu.	
2	Thuộc lô 41,44 khoảnh 2 tiểu khu 120 xã Phương Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (nay là xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang).	0,11			0,11	Rừng gỗ trồng núi đất (TG) có trữ lượng 6,47 m ³ , Loài cây Mỡ, Xoan, Quế, Trám, thuộc quản lý là hộ gia đình	
Tổng cộng		3,07			3,07		

Phụ lục 7**Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện****Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Phúc Ứng 2***(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Vị trí theo bản đồ ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 18/12/2024; đơn vị hành chính	Trong đó					
		Tổng diện tích có rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)	Phân theo 3 loại rừng, loại rừng, nguồn gốc và loài cây				Ghi chú
			Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Nguồn gốc và loài cây	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Thuộc các lô 22, 26, 31, 41, 42, 45, 53, 54, 56, 57, 63, 73, 82, 85, 100, 36, 50, 55, 65, 77, 83, 88, 94, 97, khoảnh 173; các lô 2 (cơ sở dữ liệu rừng), 5, 4, khoảnh 180, xã Phúc Ứng (nay là xã Sơn Dương), tỉnh Tuyên Quang.	16,4872			16,4872	Diện tích rừng gỗ trồng núi đất (TG), hiện trạng là rừng trồng Keo, Bạch đàn, Sơn; năm trồng: 2018, 2019, 2020, 2021, 2022; tổng trữ lượng 618 m ³ gỗ	
	Thuộc các lô 65, 77, khoảnh 173, , xã Phúc Ứng (nay là xã Sơn Dương), tỉnh Tuyên Quang.	0,4171			0,4171	Rừng tre nửa trồng núi đất (TTN), hiện trạng Tre gai; năm trồng 2018. Tổng trữ lượng: 265 cây tre.	
	Thuộc các lô 39, 59, 60, 61, 64, 69, 70, 87, 100, 50, 55, 80, 83, 88, 90, 91, 92, 94, 97, khoảnh 173 và lô 2 (cơ sở dữ liệu rừng), 4, khoảnh 180, xã Phúc Ứng (nay là xã Sơn Dương), tỉnh Tuyên Quang.	8,4222			8,4222	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng (DTR), hiện trạng là rừng trồng Keo, Bạch đàn; năm trồng 2023, 2024, 2025.	
	Thuộc các lô 104, 106, khoảnh 173,	0,0188			0,0188	Diện tích sau khai thác rừng trồng (DTK), hiện trạng là đất trống, cỏ rác, sán, chè....	
Tổng cộng		25,3453			25,3453		

Phụ lục 8**Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện****Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Phúc Ứng 3***(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Vị trí theo bản đồ ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 18/12/2024; đơn vị hành chính	Trong đó					
		Tổng diện tích có rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)	Phân theo 3 loại rừng, loại rừng, nguồn gốc và loài cây				Ghi chú
			Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Nguồn gốc và loài cây	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Thuộc các lô 97, 102, 104, 107, 108, 109, 110, 116, 119, 121, 122, 126, 128, 134, 135, 136, 137, 125a, 131a, 131b, khoảnh 158; các lô 5, 6 (cơ sở dữ liệu rừng), 19, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 31, 32, 37, 40, 41, 42, 47, 50, 54, 55, 10a, khoảnh 173, xã Phúc Ứng (nay là xã Sơn Dương), tỉnh Tuyên Quang.	8,5591			8,5591	Diện tích rừng gỗ trồng núi đất (TG), hiện trạng là rừng trồng Keo, Keo + Bạch đàn; năm trồng: 2018, 2019, 2020, 2021, 2022; tổng trữ lượng 447 m ³ gỗ	
	Thuộc các lô các lô 112, 114, 115, 117, 118, 120, 123, 124, 129, 132, 138, 125, 130, khoảnh 158 và các lô 3, 6, 21, 26 (cơ sở dữ liệu rừng), 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 10, khoảnh 173, xã Phúc Ứng (nay là xã Sơn Dương), tỉnh Tuyên Quang.	8,4261			8,4261	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng (DTR), hiện trạng là rừng trồng Keo, Bạch đàn; năm trồng 2023, 2024, 2025.	
Tổng cộng		16,9852			16,9852		